

Số: 2614/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 28 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực  
Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của  
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 4647/QĐ-BNN-TT ngày 06/10/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; số 4953/QĐ-BNN-TT ngày 22/11/2023 về việc công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính thay thế lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 221/TTr-SNNPTNT ngày 27/11/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 08 (tám) thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành trong lĩnh vực Trồng trọt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có Phụ lục kèm theo).

Nội dung chi tiết các TTHC này thực hiện theo các Quyết định công bố TTHC của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 4647/QĐ-BNN-TT ngày 06/10/2023; số 4953/QĐ-BNN-TT ngày 22/11/2023.

**Điều 2.** Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; xây dựng, ban hành quy trình nội bộ, quy trình chi tiết các thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này, thời hạn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của tỉnh (file điện tử);
- Lưu: VT, NCKS (Tường) .

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lại Văn Hoàn**



**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 28 /11/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

| STT | TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH   | THỜI GIAN GIẢI QUYẾT  | ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN                     | PHÍ, LỆ PHÍ | CĂN CỨ PHÁP LÝ  |
|-----|--|---|--|-------------|---|
| 1   | Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.                | Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi người được cấp Thẻ có ý kiến 02 tháng.   | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Không       | Quyết định số 4647/QĐ-BNN-TT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 2   | Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. | Kể từ ngày nhận được yêu cầu thu hồi đến khi tổ chức được cấp Giấy chứng nhận có ý kiến 02 tháng.   | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Không       |   |
| 3   | Cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.  | Quyết định cấp Thẻ giám định viên 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.   | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Không       |   |
| 4   | Cấp lại Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng.  | - Quyết định cấp lại thẻ giám định viên 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.<br>- Trường hợp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp gây ra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của người được cấp Thẻ. | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Không       |   |

|   |  |   |  |       |   |
|---|--|---|--|-------|---|
| 5 | Cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.   | Quyết định cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng 01 tháng kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.  | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Không |   |
| 6 | Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng.   | <p>- Quyết định Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng 15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Trường hợp Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng bị lỗi do Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp gây ra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng</p> | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Không | Quyết định số 4647/QĐ-BNN-TT ngày 06/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 7 | Giao quyền đăng ký đối với giống cây trồng là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước                                    | Quyết định giao quyền đăng ký bảo hộ giống cây trồng: 24 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ  | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Không | Quyết định số 4953/QĐ-BNN-TT ngày 22/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |
| 8 | Quyết định cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng giống cây trồng được bảo hộ là kết quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước | Quyết định cho phép khai thác, sử dụng giống cây trồng: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ  | Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Không |   |